TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh P**

Bản án số: 52/2024/HS-ST
Ngày 14 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Nghị;

Ông Nguyễn Văn Hinh.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N.

***Đại diện VKS nhân dân huyện N tham gia phiên toà*:** Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2024/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 50/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn P, sinh năm 1994; nơi thường trú: Xóm L, xã G, huyện Giao Thuỷ, tỉnh N; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B, sinh năm 1964; con bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970; gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai; vợ: Vũ Thị T, sinh năm 1997; có 2 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/5/2024 đến nay.

- *Bị hại:*

1. Chị Đỗ Thị Tố U, sinh năm 2002; địa chỉ: Số 9, Nguyễn T, phường P, thành phố N, tỉnh N (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Phạm Thị Kim O, sinh năm 1983*;* địa chỉ: Số 9, Nguyễn T, phường P, thành phố N, tỉnh N

2. Chị Bùi Thị Mai P, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2005; địa chỉ: Số 36, đường S, phường T, thành phố N, tỉnh N

Tại phiên tòa: Bị cáo có mặt; bà O và chị P vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 50 phút ngày 20/3/2024, Trần Văn P, điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu DOTHANH biển số 18C-092.16 đi từ đường Lê Đức Thọ thuộc địa phận xã Nam Toàn, huyện N, tỉnh N về thị trấn Quất Lâm, huyện G, tỉnh N. Đến khoảng 10 giờ 09 phút cùng ngày, P điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát trên đi đến Km số 157+600 Quốc lộ 21, thuộc địa phận xóm 1, Cao Lộng, xã Tân Thịnh, huyện N, tỉnh N, hướng thành phố N đi huyện Trực Ninh, do không chú ý quan sát nên P điều khiển xe đi xiên chéo dần sang phần đường bên trái theo chiều đi của mình, khi 01 phần thân xe của P ở phần đường bên trái theo chiều đi của mình thì P nhìn thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION biển số 18B2-260.82 do chị Đỗ Thị Tố U điều khiển, chở sau là chị Bùi Thị Mai P đi xiên chéo từ phần đường bên trái sang phần đường bên phải theo chiều Trực Ninh - thành phố N. Do khoảng cách quá gần nên P không kịp xử lý mà tiếp tục điều khiển xe ô tô biển số 18C-092.16 đi xiên chéo sang phần đường ngược chiều đi của P. Khi xe mô tô biển số 18B2-260.82 đi sang phần đường bên phải theo chiều đi Trực Ninh – thành phố N thì phần giữa ba đờ sốc đầu xe ô tô biển số 18C-092.16 do P điều khiển va chạm với bánh xe phía trước và phần đầu xe mô tô biển số 18B2-260.82. Hậu quả chị Đỗ Thị Tố U chết tại hiện trường, chị Bùi Thị Mai P bị thương phải đi Bệnh viện cấp cứu, hai xe bị hư hỏng.

Về vật chứng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N thu giữ:

+ 01 xe ô tô tải nhãn hiệu DOTHANH biển số 18C-092.16, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 18C-092.16 và 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 18C-092.16;

+ 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C mang tên Trần Văn P, số 360123366808, do Sở giao thông vận tải tỉnh N cấp ngày 09/01/2024, có giá trị đến ngày 09/01/2029.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION biển số 18B2-260.82 và 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Đỗ Thị Tố U.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Viện kiểm sát nhân dân huyện N tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám nghiệm P tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông đồng thời xét nghiệm nồng độ cồn và chất gây nghiện đối người điều khiển P tiện tham gia giao thông theo đúng quy định của pháp luật.

* Tại bản Kết luận giám định tử thi số: 615/KLGĐTT-KTHS ngày 15/4/2024, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N, kết luận: Nạn nhân Đỗ Thị Tố U chết do sốc đa chấn thương.

Kết luận giám định độc chất số 50/KLGĐĐC-TTPY, ngày 04/4/2024, của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh Ninh Bình, kết luận: Mẫu máu của Đỗ Thị Tố U

không tìm thấy: Nồng độ cồn (Ethanol) trong máu: C = 0,00mg/100ml.

Tại Kết luận giám định độc chất số: 51/KLGĐĐC-TTPY, ngày 04/4/2024, của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh Ninh Bình, kết luận: Mẫu máu của Đỗ Thị Tố U không tìm thấy các chất ma túy trong máu.

Kết quả đo nồng độ cồn của Trần Văn P tại thời điểm 11h09’ ngày 20/3/2024 là 0.00mg/L. Kết quả test chất ma túy bằng P pháp test chất ma túy trong nước tiểu Trần Văn P không sử dụng chất gây nghiện.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trưng cầu Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y Sở Y tế tỉnh N giám định tỷ lệ thương tích của chị Bùi Thị Mai P. Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 82/24/TgT, ngày 21/6/2024 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh N kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của chị Bùi Thị Mai P là 74%.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 15/KLĐG, ngày 10/4/2024, của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện N kết luận: Giá trị thiệt hại của xe ô tô biển số 18C-092.16, tại thời điểm xảy ra sự việc có giá trị trên thị trường là 7.750.000 đồng và giá trị thiệt hại của xe mô tô biển số 18B2-260.82, tại thời điểm xảy ra sự việc có giá trị trên thị trường là 8.000.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã thu giữ 01 đoạn video tại camera giám sát hành trình của xe ô tô biển số 18C-092.16, ghi lại diễn biến vụ tai nạn giao thông nêu trên. Tại bản kết luận giám định số 626/KL-KTHS, ngày 14/4/2024, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận: Không phát hiện dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong toàn bộ mẫu cần giám định. Tốc độ của xe ô tô biển số 18C-092.16 xuất hiện từ thời điểm 10h09’49’’ đến thời điểm 10h09’50’’ ngay trước thời điểm xảy ra va chạm trong mẫu cần giám định là 64,8Km/h (±2,16Km/h). Tốc độ của xe mô tô biển số 18B2-260.82 xuất hiện tại thời điểm 10h09’50’’ ngay trước thời điểm xảy ra va chạm trong mẫu cần giám định là 46,3Km/h (±1,54Km/h). Điểm, vị trí va chạm của xe ô tô biển số 18C-092.16 và xe mô tô biển số 18B2-260.82 trong mẫu gửi giám định thuộc phần đường bên phải vạch phân chia phần đường theo chiều tiến của xe mô tô biển số 18B2-260.82.

NgU nhân xảy ra tai nạn giao thông là do Trần Văn P điều khiển xe ô tô biển số 18C-092.16 không chú ý quan sát, không đi bên phải theo chiều đi của mình đã xô vào xê mô tô do chị Đỗ Thị Tố U điều khiển đi đúng phần đường, đúng quy định về tốc độ, không vi phạm Luật Giao thông đường bộ.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Về trách nhiệm dân sự: Trần Văn P và anh Phạm Văn Nghĩa (là chủ xe ô tô biển số 18C-092.16) đã tự nguyện bồi thường cho người đại diện hợp pháp của chị Đỗ Thị Tố U là bà Phạm Thị Kim O số tiền là 200.000.000 đồng và bồi thường cho chị Bùi Thị Mai P số tiền 400.000.000 đồng. Bà O (mẹ đẻ chị U) và chị P đã nhận đủ số tiền trên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác và đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về hư hỏng của P tiện các bên thỏa thuận tự sửa chữa.

Về vật chứng: Quá trình điều tra xác định 01 xe ô tô tải nhãn hiệu DOTHANH biển số 18C-092.16 là tài sản hợp pháp của anh Phạm Văn Nghĩa, sinh năm 1990, trú tại tổ dân phố Quý Dũng Sơn, thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thuỷ, tỉnh N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho anh Nghĩa 01 xe ô tô biển số 18C-092.16, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 18C-092.16. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION biển số 18B2-260.82 là tài sản hợp pháp của bà Phạm Thị Kim O (mẹ đẻ chị Đỗ Thị Tố U) nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho bà O và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Đỗ Thị Tố U.

Cáo trạng số: 53/CT-VKS ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N truy tố bị cáo Trần Văn P về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a, b khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N luận tội: Giữ ngU quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

TU bố bị cáo Trần Văn P phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn P từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm;

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo, bị hại và người đại diện bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không đặt ra xem xét;

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C mang tên Trần Văn P lưu giữ trong hồ sơ vụ án;

Về Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có tranh luận gì với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát và nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, vụ việc xảy ra ngoài ý muốn, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, các con còn quá nhỏ, là lao động chính trong gia đình. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được cải tạo tại địa P để có thời gian chăm sóc gia đình, lao động để khắc phục hậu quả đã xảy ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi của bị cáo thấy rằng: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, đại diện bị hại, người chứng kiến, biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, bản kết luận giám định pháp y tử thi số: 615/KLGĐTT-KTHS ngày 15/4/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N. Kết luận giám định tổn thương cơ thể số: 82/2024/TgT ngày 21/6/2024 của của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh N. Kết luận định giá tài sản số: 15/KLĐG, ngày 10/4/2024, của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện N và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 09 phút ngày 20/3/2024, tại Km số 157+600 Quốc lộ 21, thuộc địa phận xóm 1, Cao Lộng, xã Tân Thịnh, huyện N, tỉnh N, bị cáo Trần Văn P, có giấy phép lái xe hạng C, điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu DOTHANH biển số 18C-092.16 theo hướng thành phố N đi huyện Trực Ninh, do P không chú ý quan sát, không đi bên phải theo chiều đi của mình nên va chạm với xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION biển số 18B2-260.82 do chị Đỗ Thị Tố U điều khiển theo hướng Trực Ninh - Thành phố N sau xe chở chị Bùi Thị Mai P đi đúng phần đường. Hành vi của P đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Giao thông đường bộ, hậu quả làm chị U chết do sốc đa chấn thương, chị P bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 74%, trị giá tài sản bị thiệt hại tại thời điểm xảy ra sự việc trên thị thường với tổng số tiền là 15.750.000 đồng (trong đó xe ô tô biển số 18C-092.16 là 7.750.000 đồng và xe mô tô biển số 18B2-260.82 là 8.000.000đ). Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với bị cáo là có căn cứ;

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an, an toàn giao thông tại nơi xảy ra vụ việc nói riêng và địa P nói chung. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, nhận thức rõ hành vi bị cáo thực hiện bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng khi tham gia giao thông đường bộ thiếu tập trung, không chú ý quan sát, đi sai làm đường trực tiếp xô vào P tiện tham gia giao thông ngược chiếu xe của mình, đã cướp đi tính mạng của chị U và gây tổn hại sức khỏe cho chị P phải mang thương tận suốt đời, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục hậu quả tự nguyện bồi thường toàn bộ

thiệt hại, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa P nơi cư trú xác nhận. Do vậy, không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự như quan điểm đề xuất của Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và anh Nghĩa (chủ P tiện) với bị hại và người đại diện hợp pháp bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong và về giá trị tài sản bị hư hỏng đại diện bị hại có ý kiến tự khắc khắc sửa chữa không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C mang tên Trần Văn P lưu giữ trong hồ sơ vụ án, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do lỗi vô ý nên cần trả lại bị cáo theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

TU bố bị cáo Trần Văn P phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Xử phạt bị cáo Trần Văn P 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tU án.

Giao bị cáo Trần Văn P cho Uỷ ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đang được áp dụng đối với bị cáo Trần Văn P.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: TU trả cho bị cáo 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C mang tên Trần Văn P lưu giữ trong hồ sơ vụ án. (Bị cáo Trần Văn P liên hệ với Văn phòng Tòa án nhân dân huyện N để nhận lại giấy tờ này).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tU án. Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại, đại diện bị hại;
- Toà án nhân dân tỉnh N;
- VKS nhân dân huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã G, huyện G;
- Lưu hồ sơ + VP.

Nguyễn Thị Ánh